

Số: /NQ-HĐND

Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày tháng 12 năm 2024

**NGHỊ QUYẾT**

**Cho ý kiến đối với dự kiến Kế hoạch đầu tư công  
trung hạn giai đoạn 2026 - 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU  
KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BỐN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Căn cứ Hướng dẫn số 6555/BKHĐT-TH ngày 16 tháng 8 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;

Xét Tờ trình số 473/TTr-UBND ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cho ý kiến đối với dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 310/BC-KTNS ngày 28 tháng 11 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1. Thống nhất cho ý kiến đối với dự kiến Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 như sau:**

**1. Đối với vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu**

Dự kiến tổng số vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 là 16.642.200 triệu đồng/07 dự án, gồm:

- 04 dự án chuyên tiếp từ năm 2025 qua là 4.642.200 triệu đồng;

- 03 dự án mở mới giai đoạn 2026 - 2030 là 12.000.000 triệu đồng. Phần vốn còn lại đề nghị bố trí ở giai đoạn 2031 - 2035 là 3.086.073 triệu đồng (15.086.073 triệu đồng - 12.000.000 triệu đồng).

*(Chi tiết theo Phụ lục A.01)*

## **2. Đối với vốn ngân sách địa phương**

Dự kiến tổng nguồn chi đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 là 57.916.038 triệu đồng, bằng 85,40% nguồn vốn giai đoạn 2021 - 2025 (57.916.038 triệu đồng/67.819.296 triệu đồng), giảm số tuyệt đối 9.903.258 triệu đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục B.01, B02, B03, B04)*

### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, trong đó lưu ý thực hiện một số nội dung sau:

- Hoàn chỉnh Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026 - 2030 gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính theo quy định tại điểm đ, điểm e khoản 5 Điều 55 Luật Đầu tư công năm 2019.

- Chủ động liên hệ với các Bộ, ngành Trung ương để bảo đảm nguồn vốn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu giai đoạn 2026 - 2030 có tính khả thi.

- Đánh giá hiện trạng, nhu cầu định hướng của các ngành, lĩnh vực trong thời gian tới, trên cơ sở đó lập danh mục dự án nhóm theo từng lĩnh vực và ưu tiên bố trí vốn trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 nhằm thực hiện hiệu quả các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh đã xác định tại Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch thực hiện Quy hoạch chung xây dựng Côn Đảo; Chiến lược phát triển du lịch tỉnh; các dự án gắn với thí điểm một số cơ chế, chính sách phát triển huyện Côn Đảo; các chủ trương, định hướng về xây dựng Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 của Tỉnh ủy. Thực hiện đầy đủ quy trình thủ tục báo cáo xin chủ trương cấp có thẩm quyền trước khi thông qua chủ trương đầu tư từng dự án cụ thể để đưa vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

**Điều 3. Điều khoản thi hành**

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu Khóa VII, Kỳ họp thứ Hai Mươi Bốn thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính;
- TTr. Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TTr.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Website Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Báo Bà Rịa - Vũng Tàu, Đài PT - TH tỉnh;
- Lưu: VT, SKHĐT, CTHĐ.

**CHỦ TỊCH****Phạm Viết Thanh**

**DỰ ÁN ĐỀ XUẤT VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2026-2030**

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	Quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư		Đã đầu tư hết năm 2025	KL còn lại chuyển sang 2026-2030	Đề xuất Kế hoạch vốn 2026-2030	TMĐT còn lại chuyển sang giai đoạn sau	Ghi chú
				Phê duyệt chủ trương đầu tư	Phê duyệt dự án đầu tư	Quy mô đầu tư	Tổng số	Trong đó phần vốn NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=9-10	12	13=11-12	14
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>7 dự án</b>					<b>41.053.215</b>	<b>25.912.573</b>	<b>6.184.300</b>	<b>19.728.273</b>	<b>16.642.200</b>	<b>3.086.073</b>	
<b>I</b>	<b>DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP</b>	<b>4 dự án</b>					<b>22.599.953</b>	<b>10.826.500</b>	<b>6.184.300</b>	<b>4.642.200</b>	<b>4.642.200</b>	<b>0</b>	
1	Dự án thành phần 3 thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu (giai đoạn 1)	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	QTQG	59/2022/QH15 - 16/06/2022	- 3829/QĐ-UBND ngày 25/12/2022; - 1551/TTr-BQLDA85 ngày 27/5/2024	Dài khoảng 19,50 km; 4 làn xe, vận tốc thiết kế 100km/h	7.811.000	5.800.500	3.481.000	2.319.500	2.319.500	0	Tổng mức đầu tư được tính theo Tờ trình điều chỉnh Chủ trương đầu tư dự án của Ban85 trình Bộ GTVT (Tờ trình số 2449/TTr-BQLDA85 ngày 09/08/2024) (1)
2	Cầu Phước An, TX Phú Mỹ tỉnh BR-VT và huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	A	35/NQ-HĐND-04/8/2020; 61/NQ-HĐND ngày 25/10/2022	01/QĐ-UBND - 04/01/2022	Cầu 3.513,5m; đường 853m	4.879.000	2.000.000	1.941.300	58.700	58.700	0	0
3	Đường vành đai IV thành phố Hồ Chí Minh đoạn đi qua tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	QTQG			18,17 km	8.579.438	2.144.000	20.000	2.124.000	2.124.000	0	Ngân sách TW 50% các chi phí: BTGPMB và đầu tư đường gom, đường song hành
4	Tỉnh lộ 991 nối dài (từ QL51 đến đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải)	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	B	80/NQ-HĐND ngày 08/12/2023	0	0	1.330.515	882.000	742.000	140.000	140.000	0	Giai đoạn 2021-2025, điều chuyển vốn trung hạn 742 tỷ đồng còn dư của dự án Đường 991B từ QL51 đến Hạ lưu cảng Cái Mép (2)
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN ĐỀ XUẤT MỚI</b>	<b>3 dự án</b>					<b>18.453.262</b>	<b>15.086.073</b>	<b>0</b>	<b>15.086.073</b>	<b>12.000.000</b>	<b>3.086.073</b>	
1	Xây dựng hồ chứa nước Sông Ray 2, xã Sơn Bình, huyện Châu Đức	BQLDA chuyên ngành NN và PTNT	A	0	0	Diện tích 760ha; Dung tích toàn bộ: 65,16 triệu khối; dung tích hữu ích 60,96 triệu khối.	9.589.633	6.222.444		6.222.444	5.000.000	1.222.444	Ngân sách TW bố trí vốn xây lắp, chi phí khác và 50% chi phí BTGPMB; ngân sách địa phương bố trí 50% vốn BTGPMB còn lại

STT	Đanh mục dự án	Chủ đầu tư	Nhóm DA	Quyết định đầu tư			Tổng mức đầu tư		Đã đầu tư hết năm 2025	KL còn lại chuyển sang 2026-2030	Đề xuất Kế hoạch vốn 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang giai đoạn sau	Ghi chú
				Phê duyệt chủ trương đầu tư	Phê duyệt dự án đầu tư	Quy mô đầu tư	Tổng số	Trong đó phần vốn NSTW					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=9-10	12	13=11-12	14
2	Cải tạo, mở rộng đường Quốc lộ 56 đoạn qua địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	BQLDA chuyên ngành Giao thông	A			21,25 km; 6 làn xe	2.496.734	2.496.734		2.496.734	2.000.000	496.734	Đường Quốc lộ, ngân sách TW 100%
3	Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 51 đoạn từ Vòng xoay Bà Rịa tới Eo Ông Từ thành phố Vũng Tàu	BQLDA chuyên ngành Giao thông	A	0	0	8,26km; MCN từ 57,5m đến 83m	6.366.895	6.366.895		6.366.895	5.000.000	1.366.895	Đường Quốc lộ, ngân sách TW 100%

**Ghi chú:**

(1) TMDT tăng do tăng chi phí BTGPMB và bổ sung thêm nút giao khác mức với đường ĐT991 (Tờ trình số 2449/TTr-BQLDA85 ngày 09/08/2024 của Ban QLDA 85)

(2) UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã có Văn bản số 1041/UBND-VP ngày 23/01/2024 gửi BKHĐT, BTC xin điều chuyển 742 tỷ vốn Trung hạn 2021-2025 từ dự án đường 991B sang dự án Tỉnh lộ 991 nối dài (từ QL51 đến đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải) và Văn bản số 3069/UBND-VP ngày 14/03/2024 báo cáo giải trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

**BẢNG TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG**  
**(ĐỂ BÁO CÁO BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ)**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

*đơn vị: triệu đồng*

Stt	Khoản mục	KH 2021-2025 (NQ35)	TMĐT còn lại chuyển qua giai đoạn 2026-2030	KH 2026-2030 (dự kiến)	TMĐT còn lại chuyển qua giai đoạn 2031-2035	Tỷ lệ /Tổng nguồn vốn trung hạn 2026-2030	Chênh lệch	Ghi chú
1	2	3	4	5	6=4-5	7=6/5	8=5-3	9
	<b>Tổng cộng:</b>	67.819.296	56.862.670	57.916.038	9.815.396	16,95%	-9.903.258	85,40%
<b>I</b>	<b>Bố trí vốn điều lệ các quỹ tài chính ngoài ngân sách</b>	0	0	0	0		0	
<b>II</b>	<b>Đầu tư các chương trình đầu tư công</b>	6.536.308	0	2.368.763	0		-4.167.545	
2.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030	532.623		575.210			42.587	Văn bản số 143/BC-BDT ngày 09/09/2024 của Ban Dân tộc kèm danh mục chi tiết công trình tại từng địa phương
2.2	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030	5.602.525		1.793.553			-3.808.972	Văn bản số 6145/SNN-VPĐP ngày 14/10/2024 của Sở NN&PTNT kèm danh mục chi tiết công trình tại từng địa phương
2.3	Chương trình khác....	401.160					-401.160	
<b>III</b>	<b>Đầu tư các dự án do tỉnh quyết định đầu tư</b>	53.278.759	56.862.670	47.047.275	9.815.396		-6.231.484	
<b>IV</b>	<b>Bổ sung vốn cho ngân sách cấp huyện</b>	6.643.688	0	6.500.000	0		-143.688	
4.1	Bổ sung vốn cho ngân sách cấp huyện theo tiêu chí, định mức	6.500.000		6.500.000			0	
4.2	Bổ sung vốn cơ chuyên nhiệm vụ chi tư ngân sách cấp tỉnh sang ngân sách cấp huyện	143.688		0			-143.688	
<b>V</b>	<b>Dự phòng</b>	1.360.541		2.000.000	0	3,45%	639.459	Luật Đầu tư công không quy định tỷ lệ dự phòng trên tổng vốn

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030**  
**CÁC DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

*đơn vị: triệu đồng*

Stt	Loại dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư	Lũy kế thanh toán hết 2020	KHV 2021-2025	TMĐT còn lại chuyển qua 2026-2030	KHV 2026-2030	TMĐT còn lại chuyển qua giai đoạn sau	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7=4-5-6	8	9=7-8	10
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>208</b>	<b>128.545.575</b>	<b>489.884</b>	<b>20.536.658</b>	<b>107.519.033</b>	<b>47.047.275</b>	<b>9.815.396</b>	
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN BỐ TRÍ VỐN THỰC HIỆN ĐẦU TƯ TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030</b>								
<b>I</b>	<b>Dự án quy hoạch</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
<b>II</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ năm 2025 qua giai đoạn 2026-2030</b>	<b>33</b>	<b>38.580.615</b>	<b>482.299</b>	<b>20.442.040</b>	<b>17.656.276</b>	<b>17.656.276</b>	<b>0</b>	
2.1	Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030	33	38.580.615	482.299	20.442.040	17.656.276	17.656.276	0	
2.2	Dự án có chuyển tiếp qua giai đoạn 2030-2035	0	0	0	0	0	0	0	
<b>III</b>	<b>Dự án bố trí vốn mở mới trong giai đoạn 2026-2030</b>	<b>95</b>	<b>39.259.232</b>	<b>7.585</b>	<b>54.653</b>	<b>39.196.994</b>	<b>29.381.599</b>	<b>9.815.396</b>	
<b>3.1</b>	<b>Dự án hoàn thành trong giai đoạn 2026-2030</b>	<b>67</b>	<b>15.833.651</b>	<b>2.451</b>	<b>40.553</b>	<b>15.790.647</b>	<b>15.790.647</b>	<b>0</b>	
3.1.1	Dự án từ danh mục chuẩn bị đầu tư tại NQ35	49	13.675.069	2.451	38.353	13.634.265	13.634.265	0	
3.1.2	Dự án bổ sung mới trong lần điều chỉnh tháng 12/2024	18	2.158.582	0	2.200	2.156.382	2.156.382	0	
<b>3.2</b>	<b>Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2030-2035</b>	<b>28</b>	<b>23.425.581</b>	<b>5.134</b>	<b>14.100</b>	<b>23.406.347</b>	<b>13.590.951</b>	<b>9.815.396</b>	
3.2.1	Dự án từ danh mục chuẩn bị đầu tư tại NQ35	19	16.667.656	5.134	11.400	16.651.122	10.275.506	6.375.616	
3.2.2	Dự án bổ sung mới trong lần điều chỉnh tháng 12/2024	9	6.757.925	0	2.700	6.755.225	3.315.445	3.439.780	
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>80</b>	<b>50.705.728</b>	<b>0</b>	<b>39.965</b>	<b>50.665.763</b>	<b>9.400</b>	<b>0</b>	
1	Dự án chuẩn bị đầu tư	80	50.705.728	0	39.965	50.665.763	9.400	0	
2	Dự án bổ sung mới trong lần điều chỉnh tháng 12/2024	0	0	0	0	0	0	0	

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2026-2030 BỔ SUNG NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN**  
 (Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)

đơn vị: triệu đồng

STT	Đơn vị	KH 2026-2030	Trong đó:							Ghi chú
			Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2026-2030	Trong đó:		Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển KT-XH cho đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2026-2030	Bổ sung vốn ngân sách cấp huyện			
				Đối với các xã có mục tiêu phấn đấu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu	Đối với các xã duy trì chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu		Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư các dự án hạ tầng KT-XH theo tiêu chí, định mức	Bổ sung vốn đầu tư một số dự án cụ thể (*)	
1	2	3	4	4.1	4.2	6	7=7.1+7.2	7.1	7.2	8
	<b>Tổng số:</b>	8.868.763	1.793.553		1.793.553	575.210	6.500.000	6.500.000	0	
1	TP Vũng Tàu	1.294.000					1.294.000	1.294.000	0	
2	TP Bà Rịa	911.986	101.986		101.986		810.000	810.000		
3	Thị xã Phú Mỹ	1.196.087	81.976		81.976	145.111	969.000	969.000	0	
4	Huyện Long Điền	774.615	185.615		185.615		589.000	589.000		
5	Huyện Đất Đỏ	913.916	329.916		329.916		584.000	584.000		
6	Huyện Châu Đức	1.896.196	709.510		709.510	90.686	1.096.000	1.096.000	0	
7	Huyện Xuyên Mộc	1.720.963	384.550		384.550	339.413	997.000	997.000		
8	Huyện Côn Đảo	161.000					161.000	161.000		

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2026-2030 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH**  
**CÁC DỰ ÁN TỈNH QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng 12 năm 2024 của HĐND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
	<b>TỔNG CỘNG:</b>	<b>208 dự án</b>		<b>128.545.575</b>	<b>489.884</b>	<b>20.225.158</b>	<b>20.536.658</b>	<b>107.519.033</b>	<b>47.047.275</b>	<b>9.815.396</b>	
<b>A</b>	<b>DỰ ÁN QUY HOẠCH</b>										
<b>B</b>	<b>DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP TỪ NĂM 2025 QUA GIAI ĐOẠN 2026-2030</b>	<b>33 dự án</b>		<b>38.580.615</b>	<b>482.299</b>	<b>20.135.740</b>	<b>20.442.040</b>	<b>17.656.276</b>	<b>17.656.276</b>	<b>0</b>	
<b>I</b>	Dự án đã hoàn thành trước năm 2025, bố trí vốn để thanh quyết toán, tất toán, đền bù phát sinh...; dự án dừng đầu tư										
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN HOÀN THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030</b>	<b>33 dự án</b>		<b>38.580.615</b>	<b>482.299</b>	<b>20.135.740</b>	<b>20.442.040</b>	<b>17.656.276</b>	<b>17.656.276</b>	<b>0</b>	
<b>II.1</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ năm 2020 qua giai đoạn 2026-2030</b>	<b>4 dự án</b>		<b>2.414.056</b>	<b>219.214</b>	<b>1.321.393</b>	<b>1.139.393</b>	<b>1.055.449</b>	<b>1.055.449</b>	<b>0</b>	
1	Dự án thu gom và xử lý nước thải thị xã Bà Rịa (ODA Thụy sĩ)	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	1372/QĐ-UBND-26/05/2017	437.484	158.802	278.682	96.682	182.000	182.000	0	
2	Nạo vét cải tạo kênh Bến Đình, thành phố Vũng Tàu	BQLDA chuyên ngành Giao thông	12/NQ-HĐND-26/03/2019	1.489.093	52.386	800.000	800.000	636.707	636.707	0	
3	Trụ sở Công an thành phố Vũng Tàu	Công an Tỉnh	267/HĐND-VP-31/7/2017; 41/NQ-HĐND - 17/07/2024	447.479	737	210.000	210.000	236.742	236.742	0	
4	Hệ thống kênh mương phục vụ sản xuất nông nghiệp khu vực xã Phước Tân, Hoà Bình huyện XM	Trung tâm Quản lý khai thác công trình thủy lợi	120/HĐND-VP-12/04/2017; 1658/QĐ-UBND-22/06/2017	40.000	7.289	32.711	32.711	0	0	0	
<b>II.2</b>	<b>Dự án chuyển tiếp từ năm 2025 qua giai đoạn 2026-2030</b>	<b>29 dự án</b>									
5	Cầu cảng và doanh trại Hải đội 2	BCH Bộ đội Biên Phòng tỉnh	58/NQ-HĐND-14/12/2018; 42/NQ-HĐND - 14/07/2023	86.559	604	85.955	81.555	4.400	4.400	0	
6	Xây dựng kho lương dựng trên địa bàn huyện Côn Đảo (kho LTPP)	BCH Quân sự tỉnh	40/NQ-HĐND - 17/07/2024	53.756	0	53.756	49.756	4.000	4.000	0	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
7	Tuyến thoát nước chính dọc quốc lộ 51 (đoạn từ đường 46 đến đường Phước Hoà-Cái Mép)	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	69/NQ-HĐND-14/12/2018; 48/NQ-HĐND - 14/07/2023	553.501	985	552.516	536.816	15.700	15.700	0	
8	Thu gom, xử lý và thoát nước đô thị mới Phú Mỹ	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	1982/QĐ-UBND-03/09/2013	536.708	182.618	354.090	314.090	40.000	40.000	0	
9	Trường THPT Mỹ Xuân TX Phú Mỹ	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	63/NQ-HĐND-04/8/2020; 47/NQ-HĐND - 14/07/2023	182.147	0	182.147	152.147	30.000	30.000	0	
10	Trụ sở ban tiếp công dân tỉnh tại Bà Rịa	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	36/NQ-HĐND - 14/07/2023	34.528	0	25.000	25.000	9.528	9.528	0	
11	Sửa chữa, bổ sung một số hạng mục cho Trường phổ thông dân tộc nội trú	BQLDA Chuyên ngành DD và CN	14/NQ-HĐND ngày 31/05/2023	45.000	0	45.000	40.000	5.000	5.000	0	
12	Nâng cấp tuyến đường Bà Rịa-Châu Pha-Hắc Dịch (ĐT995B)	BQLDA chuyên ngành Giao thông	18/NQ-HĐND - 07/05/2021	1.457.867	0	872.000	872.000	585.867	585.867	0	
13	Đường Nguyễn Phong Sắc, thành phố Vũng Tàu	BQLDA chuyên ngành Giao thông	15/NQ-HĐND ngày 25/2/2022	1.075.572	0	100.000	100.000	975.572	975.572	0	
14	Đường nối vào cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu (từ QL56 đến nút giao Vũng Vằn)	BQLDA chuyên ngành Giao thông	09/NQ-HĐND-31/05/2023	6.707.045	0	2.600.000	2.600.000	4.107.045	4.107.045	0	
15	Đường nối vào cao tốc Biên Hoà - Vũng Tàu (từ nút giao Vũng Vằn đến đường ven biển ĐT994)	BQLDA chuyên ngành Giao thông	08/NQ-HĐND-31/05/2023	5.193.061	0	1.600.000	1.600.000	3.593.061	3.593.061	0	
16	Đường trục chính Vũng Tàu (đoạn từ nút giao đường ven biển Vũng Tàu – Bình Thuận (ĐT994) đến nút giao vòng xoay đường 51B,C thành phố Vũng Tàu)	BQLDA chuyên ngành Giao thông	02/NQ-HĐND - 29/02/2024	1.998.318		1.200.000	1.200.000	798.318	798.318	0	
17	Nâng cấp, mở rộng đoạn từ vòng xoay Nhà Lớn đến Quốc lộ 51 và xây mới đoạn từ Quốc lộ 51 đến cầu Cửa Lấp thành phố Vũng Tàu	BQLDA chuyên ngành Giao thông	06/NQ-HĐND ngày 25/02/2022	1.491.160	0	934.000	1.400.000	91.160	91.160	0	
18	Xây mới cầu Cửa Lấp 2 và nâng cấp, mở rộng đoạn từ ngã ba Lò Vôi đến công khu du lịch Thủy Dương huyện Long Điền và huyện Đất Đỏ	BQLDA chuyên ngành Giao thông	08/NQ-HĐND ngày 25/02/2022	1.260.552		710.000	710.000	550.552	550.552	0	
19	Nâng cấp, mở rộng đoạn từ ngã ba Long Phú đến cầu Sông Ray, đoạn nhánh kết nối với đường Tỉnh lộ 44B và các cầu trên tuyến	BQLDA chuyên ngành Giao thông	05/NQ-HĐND ngày 25/02/2022	1.314.038		880.000	880.000	434.038	434.038	0	
20	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 994 (đường ven biển Vũng Tàu-Bình Châu) đoạn từ cầu Sông Ray Km49+028, 35 đến Khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Trung Thủy Km70 + 506,55, H.Xuân Mộc	BQLDA chuyên ngành Giao thông	120/NQ-HĐND - 13/12/2020; 73/NQ-HĐND - 17/8/2021	1.421.900		350.000	580.000	841.900	841.900	0	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
21	Nâng cấp, mở rộng Tỉnh lộ 994 đoạn từ khu du lịch nghỉ dưỡng cao cấp Trung Thủy đến Quốc lộ 55 tại xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc	BQLDA chuyên ngành Giao thông	07/NQ-HĐND ngày 25/02/2022	1.045.910	0	900.000	900.000	145.910	145.910	0	
22	Cầu Phước An, TX Phú Mỹ tỉnh BR-VT và huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	35/NQ-HĐND-04/8/2020; 61/NQ-HĐND ngày 25/10/2022	2.879.000		1.400.000	1.400.000	1.479.000	1.479.000	0	
23	Nâng cấp mở rộng đường Hội Bài - Phước Tân (ĐT 992) đoạn từ QL 51 đến đường cao tốc Biên Hòa - Vũng Tàu	BQLDA GT k/v cảng Cái Mép-Thị Vải	34/NQ-HĐND - 14/07/2023	3.691.000		2.020.000	2.020.000	1.671.000	1.671.000	0	
24	Các tuyến đường vào nhà ở xã hội huyện Côn Đảo	UBND H.Côn Đảo	35/NQ-HĐND - 14/07/2023	37.733	0	32.000	32.000	5.733	5.733	0	
25	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu Trung tâm Côn Đảo (Xây dựng một số tuyến đường mới tại khu dân cư số 3)	UBND H.Côn Đảo	70/NQ-HĐND-14/12/2018, 19/NQ-HĐND-25/02/2022	540.548	1.400	539.148	458.148	81.000	81.000	0	
26	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải thị trấn Phước Hải	UBND H.Đất Đỏ	13/NQ-HĐND-20/04/2020	203.093	0	150.000	150.000	53.093	53.093	0	
27	Cải tạo, nâng cấp đường ven núi Minh Đạm đoạn từ TL44A giáp khu du lịch Thủy Dương đến ngã ba Long Phú	UBND H.Đất Đỏ	53/NQ-HĐND-18/7/2019; 91/NQ-HĐND-01/10/2021; 44/NQ-HĐND - 14/07/2023	916.447	77.478	838.969	811.369	27.600	27.600	0	
28	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư số 1 Phước Hưng	UBND H.Long Điền	40/NQ-HĐND - 14/07/2023	622.059	0	300.000	300.000	322.059	322.059	0	
29	Hạ tầng kỹ thuật Khu Tái định cư phường Long Hương, thành phố Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	20/NQ-HĐND - 25/2/2022	683.923	0	479.766	479.766	204.157	204.157	0	
30	Cải tạo nâng cấp đường Hương lộ 3, thành phố Bà Rịa	UBND TP Bà Rịa	37/NQ-HĐND - 14/07/2023	204.000		140.000	140.000	64.000	64.000	0	
31	Đường Hàng Điều 4 (đoạn từ đường 30/4 đến đường 51B)	UBND TP Vũng Tàu	38/NQ-HĐND - 14/07/2023	473.962		330.000	330.000	143.962	143.962	0	
32	Chung cư tái định cư tại Khu tái định cư phường Thắng Nhất	UBND TP Vũng Tàu	60/NQ-HĐND - 25/10/2022	240.448	0	190.000	190.000	50.448	50.448	0	
33	Chỉnh trang trục đường Thùy Vân TP Vũng Tàu	UBND TP Vũng Tàu	09/NQ-HĐND - 29/02/2024	1.216.724		950.000	950.000	266.724	266.724	0	
<b>III</b>	<b>DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP QUA GIAI ĐOẠN 2026-2030</b>	<b>0 dự án</b>		<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	
	Không có										
<b>C</b>	<b>DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI GIAI ĐOẠN 2026-2020</b>	<b>95 dự án</b>		<b>39.259.232</b>	<b>7.585</b>	<b>49.653</b>	<b>54.653</b>	<b>39.196.994</b>	<b>29.381.599</b>	<b>9.815.396</b>	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
I	<b>DỰ ÁN HOÀN THÀNH TRONG GIAI ĐOẠN 2026-2030</b>	67 dự án		15.833.651	2.451	38.253	40.553	15.790.647	15.790.647	0	
I.1	<i>Dự án đã có danh mục chuẩn bị đầu tư tại kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 tại NQ35</i>	49 dự án		13.675.069	2.451	38.253	38.353	13.634.265	13.634.265	0	
1	Đóng mới Boong toong phục vụ kiểm tra, kiểm soát an ninh trật tự trên cửa sông, cửa biển		0	10.846	0	200	200	10.646	10.646	0	
2	Trạm kiểm soát Biên phòng Bến Đầm		0	29.409	0	200	200	29.209	29.209	0	
3	Đóng mới 3 xuồng tuần tra BP-15 BDBP		0	50.000	0	200	200	49.800	49.800	0	
4	Đội công tác Bãi sau thuộc Đồn biên phòng Chí Linh		0	18.868		200	200	18.668	18.668	0	
5	Nâng cấp, sửa chữa doanh trại tại Trung đoàn Minh Đạm		0	90.000	0	200	200	89.800	89.800	0	
6	Trụ sở Ban CHQS thị xã Phú Mỹ		0	96.000	0	200	200	95.800	95.800	0	
7	Xây dựng Doanh trại Đại đội pháo binh 40 tại xã Phước Thuận, huyện Xuyên Mộc		0	58.177	0	200	200	57.977	57.977	0	
8	Xây dựng chốt canh phòng (hòn bà, hòn tre, hòn tre nhỏ, hòn cau, hòn bầy anh, hòn em) huyện Côn Đảo		0	70.000	0	200	200	69.800	69.800	0	
9	Xây dựng hàng rào để bảo vệ rừng và phòng chống cháy rừng tuyến ven biển thuộc Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu		0	75.392	0	200	200	75.192	75.192	0	
10	Xây dựng hồ chứa nước phục vụ công tác phòng cháy, chữa cháy tại Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu.		0	22.800	0	200	200	22.600	22.600	0	
11	Cải tạo, nâng cấp đường tuần tra bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng phía nam Quốc lộ 55 Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu-Phước Bửu		0	59.053	0	200	200	58.853	58.853	0	
12	Bến cập tàu tại Hòn Bầy cạnh, Hòn Cau, Hòn Tre lớn		43/NQ-HĐND-18/7/2019	65.048	1.000	200	200	63.848	63.848	0	
13	Dự án đầu tư 04 hồ chứa nước tự nhiên trong rừng Vườn quốc gia Côn Đảo		0	30.000	0	200	200	29.800	29.800	0	
14	Nâng cấp, sửa chữa Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		0	197.263	0	200	200	197.063	197.063	0	
15	Xây dựng công trình bảo vệ khu dân cư bằng kê biển Phước An, xã Phước Hưng, huyện Long Điền		0	138.844	0	200	200	138.644	138.644	0	
16	Nạo vét sông Bà Đạp huyện Đất Đỏ (đoạn từ Đập Quay đến Cửa Lộc An)		0	307.279	0	200	200	307.079	307.079	0	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
17	Xây dựng hồ chứa nước Sông Ray 2, xã Sơn Bình, huyện Châu Đức			3.367.189	0	1.500	1.500	3.365.689	3.365.689	0	
18	Tỉnh lộ 991 nối dài (từ QL51 đến đường liên cảng Cái Mép - Thị Vải)		80/NQ-HĐND - 08/12/2023	448.515	0	5.856	5.856	442.659	442.659	0	
19	Đường vành đai IV thành phố Hồ Chí Minh đoạn đi qua tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		0	2.144.000	0	20.000	20.000	2.124.000	2.124.000	0	
20	Đầu tư thiết bị tổng khống chế, giám sát và điều phối hình ảnh		0	71.410	0	200	200	71.210	71.210	0	
21	Xây mới Trung tâm Bảo trợ xã hội tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu		0	154.086	0	200	200	153.886	153.886	0	
22	Trung tâm huấn luyện và thi đấu thể dục thể thao Tỉnh, kết hợp nâng cấp sân vận động Lam Sơn		0	298.131		200	200	297.931	297.931	0	
23	Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa		0	55.000	0	200	200	54.800	54.800	0	
24	Nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải của Nhà máy xử lý nước thải Rạch Bà, thành phố Vũng Tàu từ cột B lên cột A		0	16.060	0	200	200	15.860	15.860	0	
25	Hạ tầng kỹ thuật Khu xử lý chất thải tập trung Tóc Tiên, thị xã Phú Mỹ (hoàn thiện theo quy hoạch 1/500 được duyệt)		0	356.135	0	950	950	355.185	355.185	0	
26	Xây dựng nhà máy nước Côn Đảo công suất 3.000m3/ngày đêm		78/NQ-HĐND-14/12/2018	94.884	1.451	347	447	92.986	92.986	0	
27	Chung cư tái định cư huyện Côn Đảo		0	83.000	0	200	200	82.800	82.800	0	
28	Hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu trung tâm Côn Đảo giai đoạn 2		0	128.614	0	200	200	128.414	128.414	0	
29	Đường Ngô Gia Tự kéo dài đến khu dân cư số 3 theo quy hoạch		0	148.220	0	200	200	148.020	148.020	0	
30	Xây dựng giai đoạn 2 Trung tâm VHNTTT huyện Côn Đảo		0	42.960	0	200	200	42.760	42.760	0	
31	Tôn tạo di tích văn hóa đường vào cổng nghĩa trang Hàng Dương		0	407.000	0	300	300	406.700	406.700	0	
32	Cải tạo mở rộng tượng đài chiến thắng Bình Giã huyện Châu Đức		0	274.222	0	200	200	274.022	274.022	0	
33	Đường Kim Long-Láng Lớn		0	360.288	0	200	200	360.088	360.088	0	
34	Đường Quy hoạch N9 - D12, thị trấn Phước Hải		0	225.623	0	200	200	225.423	225.423	0	
35	Đường Quy hoạch Lê Thánh Tông, thị trấn Đất Đỏ		0	512.350		300	300	512.050	512.050	0	0
36	Đường Quy hoạch D15, thị trấn Phước Hải		0	183.761	0	200	200	183.561	183.561	0	
37	Đường QH số 15 và Quảng trường bãi tắm Hàng Dương Long Hải (giai đoạn 1)		0	181.768	0	200	200	181.568	181.568	0	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
38	Đường quy hoạch số 16, thị trấn Long Hải		0	133.218		200	200	133.018	133.018	0	
39	Trường Tiểu học Láng Sim huyện Xuyên Mộc		85/NQ-HĐND - 29/10/2020	105.765	0	200	200	105.565	105.565	0	
40	Đường quy hoạch số 6 thị trấn Phước Bửu huyện Xuyên Mộc		61/NQ-HĐND- 04/8/2020	225.000	0	200	200	224.800	224.800	0	
41	Đường quy hoạch số 28-29 thị trấn Phước Bửu huyện Xuyên Mộc		59/NQ-HĐND- 04/8/2020	167.656	0	200	200	167.456	167.456	0	
42	Mở rộng, cải tạo và nâng cấp Trung tâm y tế thành phố Bà Rịa		0	59.078	0	200	200	58.878	58.878	0	
43	Cải tạo, mở rộng trụ sở UBND thành phố Bà Rịa		0	134.981		200	200	134.781	134.781	0	
44	HTKT khu TĐC Long Sơn, thành phố Vũng Tàu giai đoạn 3		2714/QĐ-UBND - 26/10/2010; 119/NQ-HĐND- 13/12/2020	250.200	0	200	200	250.000	250.000	0	
45	Xây dựng Trung tâm Y tế thành phố Vũng Tàu		0	165.974	0	500	500	165.474	165.474		
46	HTKT khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng dự án Nạo vét kênh Bến Đình (khu 24,24ha)		0	577.448	0	200	200	577.248	577.248	0	
47	Hạ tầng kỹ thuật trung tâm hành chính thành phố Vũng Tàu		0	200.000		200	200	199.800	199.800	0	
48	Đường quy hoạch T - giai đoạn 2		0	372.711	0	500	500	372.211	372.211	0	
49	Mương thoát nước từ Đường quy hoạch B2 đến suối Thị Vải, phường Mỹ Xuân		0	410.843	0	200	200	410.643	410.643	0	
<b>1.2</b>	<b>Dự án bổ sung mới đợt này</b>	<b>18 dự án</b>		<b>2.158.582</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.200</b>	<b>2.156.382</b>	<b>2.156.382</b>	<b>0</b>	
1	Sở chỉ huy diễn tập khu vực phòng thủ và sẵn sàng chiến đấu tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			55.000	0	0	500	54.500	54.500	0	
2	Xây dựng đường tuần tra bảo vệ và phòng cháy chữa cháy rừng kết hợp du lịch sinh thái Khu bảo tồn thiên nhiên Bình Châu - Phước Bửu			29.961			100	29.861	29.861	0	
3	Trụ sở Trạm kiểm lâm hòn Bẫy Cảnh huyện Côn Đảo			30.000			100	29.900	29.900	0	
4	Cải tạo, sửa chữa Trường THPT Châu Thành - Thành phố Bà Rịa			52.670	0	0	100	52.570	52.570	0	
5	Cứng hóa mái, mặt đập hồ chứa nước Gia Hoét 1, huyện Châu Đức			81.000			100	80.900	80.900	0	
6	Hồ chứa nước tại Bãi Đầm Trầu			275.895	0	0	100	275.795	275.795	0	
7	Trụ sở công an các phường trên địa bàn tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu			90.000	0	0	100	89.900	89.900	0	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
8	Tôn tạo cảnh quan, bổ sung một số hạng mục cần thiết tại di tích Bạch Dinh, thành phố Vũng Tàu và Đầu tư hệ thống điện năng lượng mặt trời tại Nhà Bảo tàng tỉnh		0	23.000	0		100	22.900	22.900	0	
9	Chỉnh lý trưng bày kết hợp mở rộng Bảo tàng Côn Đảo		0	70.000			100	69.900	69.900	0	
10	Sửa chữa, cải tạo trụ sở Thư viện tỉnh		0	33.300	0		100	33.200	33.200	0	
11	Xây dựng mở rộng ký túc xá, nhà xưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ tỉnh tại Cơ sở 1 (Thị trấn Đất Đỏ)		0	216.985	0		100	216.885	216.885	0	
12	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông theo quy hoạch Khu 9A			68.000	0	0	100	67.900	67.900	0	
13	Nâng công suất nhà máy nước sinh hoạt lên 6.000m3/ngày đêm			70.000			100	69.900	69.900	0	
14	Cải tạo, sửa chữa đường Cò Ông - Bến Đầm			56.000	0	0	100	55.900	55.900	0	
15	Đường kết nối Quốc lộ 56 và Tỉnh lộ 765 huyện Châu Đức			286.771	0	0	100	286.671	286.671	0	
16	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Kim Long huyện Châu Đức			270.000			100	269.900	269.900	0	
17	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Phước Hội, xã Phước Hội huyện Đất Đỏ			200.000			100	199.900	199.900	0	
18	Nâng cấp mở rộng đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình (đoạn 1km đầu tuyến tính từ QL51)			250.000			100	249.900	249.900	0	
<b>II</b>	<b>DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP SANG GIAI ĐOẠN 2031-2035</b>	<b>28 dự án</b>		<b>23.425.581</b>	<b>5.134</b>	<b>11.400</b>	<b>14.100</b>	<b>23.406.347</b>	<b>13.590.951</b>	<b>9.815.396</b>	
<b>II.1</b>	<b>Dự án đã có danh mục chuẩn bị đầu tư tại kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025</b>	<b>19 dự án</b>		<b>16.667.656</b>	<b>5.134</b>	<b>11.400</b>	<b>11.400</b>	<b>16.651.122</b>	<b>10.275.506</b>	<b>6.375.616</b>	
1	Khu liên hợp thể dục thể thao tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		0	316.100		2.000	2.000	314.100	298.395	15.705	0
2	Cải tạo nâng cấp và mở rộng trụ sở Đài PTTH tỉnh		0	630.000		200	200	629.800	472.000	157.800	0
3	Cải tạo tuyến mương thoát nước chính thành phố Vũng Tàu		0	1.493.471		200	200	1.493.271	547.000	946.271	0
4	Cải tạo, nâng cấp hệ thống kênh tiêu Bà Đấp (đoạn từ cầu Đất Đỏ đến đập Quay xã Phước Hội, huyện Đất Đỏ)		0	622.000		500	500	621.500	249.000	372.500	0
5	Nâng cấp, mở rộng Cảng cá Tân Phước, xã Phước Tỉnh		0	668.339	0	300	300	668.039	334.000	334.039	0

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHIV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026-2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031-2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
6	Đường nối từ đường 991B vào bến cảng Cái Mép Hạ hạ lưu		0	1.056.240	0	200	200	1.056.040	592.000	464.040	0
7	Quảng trường Vinh quang kết hợp đi dân, giải phóng mặt bằng khu vực bảo vệ di tích lịch sử Côn Đảo		0	1.080.000		200	200	1.079.800	250.000	829.800	0
8	Đường Kim Long-Bình Ba, huyện Châu Đức		0	705.833		200	200	705.633	429.000	276.633	0
9	Nâng cấp mở rộng đường Tỉnh lộ 44A (đoạn đi qua thị trấn Long Điền - xã An Ngãi - xã Phước Hưng)		0	957.992	0	200	200	957.792	488.000	469.792	0
10	Đường vành đai Bàu Bàng, xã Bình Châu, huyện Xuyên Mộc		0	450.000		200	200	449.800	337.000	112.800	0
11	Đường Phan Châu Trinh, Thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc		0	228.000		200	200	227.800	200.000	27.800	0
12	Đường ven Sông Hóa liên xã Xuyên Mộc – Phước Bửu		0	270.000	0	200	200	269.800	202.000	67.800	0
13	Kè hai bờ sông Dinh đoạn từ cầu Điện Biên Phủ đến cầu Nhà máy nước		0	2.281.428		200	200	2.281.228	1.597.000	684.228	0
14	Khu tái định cư Bàu Trũng TPVT		0	1.385.123		200	200	1.384.923	900.200	484.723	0
15	Đường Nguyễn Hữu Cảnh từ đường 3/2 đến Bãi tắm Chí Linh		0	581.000	0	200	200	580.800	333.383	247.417	0
16	Công viên Bàu sen thành phố Vũng tàu		0	1.222.433	5.134	2.000	2.000	1.215.299	1.000.000	215.299	Ngân sách tỉnh 50%, ngân sách thành phố 50%
17	Xây dựng trung tâm hành chính thành phố Vũng Tàu			812.000		1.000	1.000	811.000	527.150	283.850	
18	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Phú Mỹ giai đoạn 2, TX Phú Mỹ		58/NQ-HĐND-04/8/2020	910.277		3.000	3.000	907.277	871.185	36.092	
19	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư Phú Mỹ giai đoạn 3, TX Phú Mỹ			997.420		200	200	997.220	648.193	349.027	
<b>II.2</b>	<b>Dự án bổ sung mới đợt này</b>	<b>9 dự án</b>		<b>6.757.925</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>2.700</b>	<b>6.755.225</b>	<b>3.315.445</b>	<b>3.439.780</b>	
1	Chỉnh trang khu vực Ngã tư Hồ Tràm huyện Xuyên Mộc		0	1.000.000			1.000	999.000	500.000	499.000	
2	Đường nối từ Tuyến tránh Quốc lộ 56 đến KCN Sonadezi Châu Đức		0	1.120.000			100	1.119.900	340.000	779.900	
3	Đường Mỹ Xuân - Ngãi Giao - Hòa Bình đoạn từ Tỉnh lộ 765 đến cầu Sông Ray		0	656.600			100	656.500	200.000	456.500	
4	Hồ chứa nước Bình Châu huyện Xuyên Mộc		0	534.325			100	534.225	401.000	133.225	
5	Xây dựng, triển khai các dịch vụ, tiện ích thông minh phục vụ quản lý, giám sát xử lý vi phạm về TTATGT và đảm bảo ANTT ATXH giai đoạn 1		0	410.000			100	409.900	307.000	102.900	

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
6	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư số 1 Phước Hưng (giai đoạn 2)		0	850.000			100	849.900	467.445	382.455	
7	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư trên địa bàn huyện Xuyên Mộc		0	392.000			100	391.900	200.000	191.900	
8	Đường QH D9 đô thị mới Hồ Tràm, huyện Xuyên Mộc (vào khu 141 ha)		0	515.000			100	514.900	250.000	264.900	
9	Nâng cấp, mở rộng đường 3/2 đoạn từ Ụo ông từ tới nút giao Nguyễn An Ninh (bao gồm Nút giao khác mức Đường 3/2 và đường Hàng Điều) và đường Nguyễn An Ninh từ nút giao 3/2 tới đường Thùy Vân		0	1.280.000			1.000	1.279.000	650.000	629.000	
<b>D</b>	<b>DỰ ÁN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ</b>	<b>80 dự án</b>		<b>50.705.728</b>	<b>0</b>	<b>39.765</b>	<b>39.965</b>	<b>50.665.763</b>	<b>9.400</b>	<b>0</b>	
1	Đồn biên phòng Bến Đá		0	30.013	0	200	200	29.813	100		
2	Đóng mới tàu tuần tra, kiểm soát hoạt động khai thác hải sản, tài nguyên trái phép trên biển			75.000		200	200	74.800	100		
3	Đóng mới tàu kéo phục vụ công tác phòng chống thiên tai, khắc phục sự cố cho tàu thuyền trên biển tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu			32.183	0	200	200	31.983	100		
4	Hồ chứa nước Ông Cầu			74.000		200	200	73.800	100		
5	Nâng cấp tuyến đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái, xây dựng chòi quan sát và hồ chứa nước phòng cháy chữa cháy rừng tại hòn Bảy Cạnh thuộc Vườn quốc gia Côn Đảo		0	49.936	0	200	200	49.736	100		
6	Cung Văn hóa Thanh thiếu nhi tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu		0	200.000	0	200	200	199.800	100		
7	Mở rộng bệnh viện đa khoa Bà Rịa		0	300.000	0	200	200	299.800	100		
8	Mở rộng Trung tâm Y tế thị xã Phú Mỹ		0	300.000	0	200	200	299.800	100		
9	Ngâm hóa lưới điện đường 3/2, thành phố Vũng Tàu		0	151.408	0	200	200	151.208	100		
10	Ngâm hóa lưới điện hạ thế trên địa bàn thành phố Bà Rịa giai đoạn 2021-2025		0	187.600	0	200	200	187.400	100		
11	Trụ sở các đơn vị sự nghiệp của tỉnh tại Bà Rịa (công trình kiến trúc và hạ tầng)		0	798.000	0	500	500	797.500	100		
12	Thu gom, xử lý nước thải thành phố Vũng Tàu - giai đoạn 2		0	1.489.559	0	1.000	1.000	1.488.559	100		
13	Thu gom, xử lý nước thải khu vực Long Sơn, Gò Găng TPVT		0	639.267	0	500	500	638.767	100		
14	Mở rộng bệnh viện đa khoa Vũng Tàu		0	748.164		500	500	747.664	100		

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
15	Thu gom và xử lý nước thải các khu đô thị thuộc huyện Long Điền			958.865	0	200	200	958.665	100		
16	Bồi thường bổ sung dự án Cải tạo, nâng cấp đoạn cuối Quốc lộ 51 (51 cũ) thành phố Vũng Tàu		0	67.765	0	10.885	10.885	56.880	100		
17	Đường gom dọc theo tuyến Quốc lộ 51 qua địa bàn thị xã Phú Mỹ		0	2.665.680		200	200	2.665.480	100		
18	Cải tạo mở rộng Quốc lộ 56 thuộc địa bàn huyện Châu Đức		09/NQ-HĐND-12/03/2021	2.000	0	100	100	1.900	100		
19	Dự án ổn định dân cư cấp bách thị trấn Phước Hải, Đất Đỏ		0	50.000	0	200	200	49.800	100		
20	Nâng cấp 02 nhà máy nước Đá Bàng và Sông Ray		0	464.504	0	200	200	464.304	100		
21	Sửa chữa, nâng cấp tuyến đường nội đồng dọc 02 kênh Bà Đáp đoạn xã Phước Hội và thềm nhựa các đoạn đường nội đồng tiếp giáp Quốc lộ, tỉnh lộ huyện Đất Đỏ		0	120.931	0	200	200	120.731	100		
22	Đầu tư hạ tầng Trung tâm nghề cá tại Gò Găng, thành phố Vũng Tàu		0	330.000	0	300	300	329.700	100		
23	Công trình bảo vệ bờ biển trên địa bàn huyện Đất Đỏ		0	170.000		200	200	169.800	100		
24	Công trình bảo vệ bờ biển trên địa bàn huyện Long Điền		0	590.000		200	200	589.800	100		
25	Xây dựng tuyến đường vành đai bảo vệ an toàn hồ chứa nước Châu Pha		0	185.000	0	200	200	184.800	100		
26	Xây dựng tuyến đường vành đai bảo vệ an toàn hồ chứa nước Đá Đen		0	570.000		200	200	569.800	100		
27	Xây dựng tuyến đường vành đai bảo vệ an toàn hồ chứa nước Sông Hoá		0	255.000	0	200	200	254.800	100		
28	Sân bay Gò Găng Tp. Vũng Tàu		0	9.863.000	0	5.500	5.500	9.857.500	1.100		
29	Khu khoa học công nghệ biển tại cầu Cô May phường 12 TPVT		0	723.604	0	400	400	723.204	100		
30	Trạm ứng dụng và chuyển giao công nghệ Côn Đảo		0	75.335		200	200	75.135	100		
31	Tăng cường năng lực Trung tâm quan trắc tài nguyên và môi trường tỉnh BRVT		54/NQ-HĐND-18/7/2019	74.174		200	200	73.974	100		
32	Xây dựng kết cấu hạ tầng khu Bến Đầm và hệ thống thu gom và xử lý nước thải khu Bến Đầm		0	303.320	0	300	300	303.020	100		
33	Xây dựng Trung tâm hành chính huyện Côn Đảo		0	378.722		300	300	378.422	100		
34	Đường vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Quảng Thành		92/NQ-HĐND-29/10/2020	286.771		200	200	286.571	100		

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMĐT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMĐT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
35	Đường vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Xuân Sơn		93/NQ-HĐND-29/10/2020	194.083	0	200	200	193.883	100		
36	Đường vào khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao xã Cù Bị		91/NQ-HĐND-29/10/2020	453.205	0	500	500	452.705	100		
37	Đường Trần Hưng Đạo giai đoạn 3		0	307.509	0	300	300	307.209	100		
38	Đường Láng Lớn - Nghĩa Thành		0	675.000	0	200	200	674.800	100		
39	Đường Suối Rao - Sơn Bình		0	480.112		200	200	479.912	100		
40	Đường số 7-8 thị trấn Kim Long		0	273.980		200	200	273.780	100		
41	Nâng cấp mở rộng đường Cao Văn Ngọc		0	302.960		200	200	302.760	100		
42	Đường Quy hoạch D3 (Trường Chinh), thị trấn Đất Đỏ		0	230.009	0	200	200	229.809	100		
43	Đường quy hoạch số 12 thị trấn Long Hải, huyện Long Điền		56/NQ-HĐND-04/8/2020	358.882	0	200	200	358.682	100		
44	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư số 3 Long Điền		0	825.427	0	1.000	1.000	824.427	100		
45	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư số 2 Long Hải (giai đoạn 1)		0	540.000	0	200	200	539.800	100		
46	Khu tái định cư số 2 thị trấn Long Hải (giai đoạn 2)		0	540.000	0	200	200	539.800	100		
47	Hạ tầng kỹ thuật khu vực Bãi Ngang, Thị trấn Long Hải		0	980.000	0	1.000	1.000	979.000	100		
48	Dự án Công viên cây xanh (kết hợp thoát nước trên núi xuống biển), thị trấn Long Hải, huyện Long Điền		0	180.000	0	200	200	179.800	100		
49	Đường N4 vòng quanh bờ hồ Xuyên Mộc		420/HĐND-VP-18/10/2016; 72/NQ-HĐND-14/12/2018	349.000	0	200	200	348.800	100		
50	Đường quy hoạch số 14 thị trấn Phước Bửu		0	156.000		200	200	155.800	100		
51	Đường Trần Phú, Thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc		0	160.000	0	200	200	159.800	100		
52	Đường Trần Hưng Đạo, Thị trấn Phước Bửu, huyện Xuyên Mộc		0	151.000	0	200	200	150.800	100		
53	Nghĩa trang liên xã Bình Châu - Bung Riêng - Bông trang - Hòa Hội - Hòa Hiệp, huyện Xuyên Mộc		0	80.000	0	200	200	79.800	100		
54	Đường Bình Giã, thị trấn Phước Bửu		0	150.000	0	200	200	149.800	100		
55	Đập tràn sông Dinh (đập giữ nước)		0	148.677	0	200	200	148.477	100		
56	Cải tạo nâng cấp Đường Hương lộ 8, xã Long phước		0	639.847	0	200	200	639.647	100		
57	Đường Võ Văn Kiệt nối dài		0	584.711	0	200	200	584.511	100		
58	Đầu tư giai đoạn 2 dự án 20km đường nội thị thành phố Bà Rịa		0	608.536		200	200	608.336	100		
59	Đường Hai Bà Trưng nối dài		0	344.126	0	200	200	343.926	100		

STT	Tên dự án	Chủ đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư	Tổng mức đầu tư	Đã thanh toán hết năm 2020	KHV 2021-2025 tại NQ35	KHV 2021-2025 (dự kiến kết quả thực hiện)	TMDT còn lại chuyển sang 2026 -2030	KHV 2026-2030	TMDT còn lại chuyển sang 2031 -2035	Ghi chú
i	2	3	4	5	6	7	8	9=5-6-8	10	11=9-10	12
60	HTKT Khu tái định cư phường Phước Hưng giai đoạn 2		0	930.000	0	200	200	929.800	100		
61	Mở rộng khu tái định cư 10ha trong 58ha, phường 10		0	450.000	0	200	200	449.800	100		
62	Ngâm hóa lưới điện trên địa bàn thành phố Vũng Tàu (12 tuyến đường)		0	405.329	0	200	200	405.129	100		
63	Đường quy hoạch A4 (đoạn từ đường Hàng Điều 4 đến đường 51C)		0	517.143	0	500	500	516.643	100		
64	Đường quy hoạch AIII (đoạn từ Đường Đô Lương đến Đường Rạch Bà 1)		0	461.211	0	500	500	460.711	100		
65	Đường Biệt Chính (đoạn từ đường 30/4 đến đường 3/2)		0	791.406		1.000	1.000	790.406	100		
66	Cải tạo, nâng cấp đường Lê Phụng Hiểu		0	801.222	0	800	800	800.422	100		
67	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường 28/4 xã Long Sơn		0	1.227.634	0	1.500	1.500	1.226.134	100		
68	Đường vào căn cứ Long Sơn/Vùng 2 Hải quân		0	274.594	0	200	200	274.394	100		
69	Công viên Hồ Rạch Bà - TPVT		0	722.425	0	200	200	722.225	100		
70	HTKT khu tái định cư tại khu Bắc Phước Thắng		0	5.296.246		200	200	5.296.046	500		
71	Nhà văn hóa truyền thống đồng bào dân tộc Châu Ro thị xã Phú Mỹ		0	88.697		200	200	88.497	100		
72	Đường quy hoạch N11 khu Trung tâm đô thị		0	306.633	0	200	200	306.433	100		
73	Đường quy hoạch N12 khu Trung tâm đô thị (Đường Nguyễn Tất Thành nối dài)		0	353.457	0	200	200	353.257	100		
74	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Hắc Dịch 2		0	650.000	0	300	300	649.700	100		
75	Dải cây xanh cách ly giữa Quốc lộ 51 với các khu công nghiệp		0	2.954.500		200	200	2.954.300	100		
76	Trồng tu tôn tạo địa đạo Hắc Dịch		0	393.300	0	200	200	393.100	100		
77	HTKT trung tâm hành chính TX Phú Mỹ giai đoạn 1		81/NQ-HĐND-25/10/2019	558.242		580	580	557.662	100		
78	Xây dựng Trung tâm hành chính thị xã Phú Mỹ		0	350.824		500	500	350.324	100		
79	Sửa chữa, cải tạo nhà khách Hương Phong, thành phố Vũng Tàu		0	50.000	0		100	49.900	100		
80	Xây dựng quảng trường tại số 165 và 165A đường Thùy Vân		0	200.000	0		100	199.900	100		